

PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GÀ THỊT CỦA CÁC HỘ DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Long Vỹ*, Nguyễn Thị Thu Huyền, Giang Hương,
Nguyễn Anh Đức, Lê Ngọc Hương, Nguyễn Hữu Nhuận, Phạm Thị Tô Diệu

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: vyktl@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 05.05.2021

Ngày chấp nhận đăng: 13.08.2021

TÓM TẮT

Huyện Chương Mỹ nằm trong vùng, xã trọng điểm chăn nuôi gia cầm của thành phố Hà Nội, chăn nuôi gà thịt phát triển, song còn nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư, việc kết nối trong sản xuất và tiêu thụ còn hạn chế. Nghiên cứu nhằm mục tiêu phát triển chăn nuôi gà thịt của các hộ dân trên địa bàn huyện Chương Mỹ theo hướng sản xuất đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp và sơ cấp, trong đó dữ liệu sơ cấp được thu thập qua điều tra 146 hộ chăn nuôi gà thịt gồm 126 hộ chăn nuôi truyền thống và 20 hộ chăn nuôi theo quy trình tiên tiến. Phương pháp phân tích thống kê được sử dụng xuyên suốt trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy, chăn nuôi gà thịt đã mang lại nguồn thu đáng kể cho các hộ chăn nuôi. Chăn nuôi theo quy trình tiên tiến có lợi thế trong chăn nuôi và thị trường hơn nhóm hộ chăn nuôi thông thường. Để chăn nuôi phát triển đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường, chăn nuôi theo các quy trình tiên tiến là xu hướng chăn nuôi phù hợp.

Từ khóa: Phát triển, chăn nuôi gà thịt, Hà Nội.

Development of Broiler Production in Chuong My District, Hanoi

ABSTRACT

Chuong My district is one of the key poultry farming production areas of Hanoi. Broiler production is well developed, however, focuses on small-holder farmers and fragmented in residential areas with poor linkage between production and consumption. This study aims to develop broiler production in Chuong My district towards quality and environmental protection. This study used both primary and secondary data, which primary data were collected through interview with 146 broiler small-holder farmers including 126 traditional farmers and 20 non-traditional farmers. Statistical methods were applied in this study. Our results indicate that broiler production is a significant income source for most farmers. Farmers who applying new technologies in broiler production had advantages in both production and market as compared to the traditional group. To develop broiler production towards quality and environmental protection, farmers should apply advanced process.

Keywords: Development, broiler production, Hanoi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển, thành phố Hà Nội đã ban hành nhiều chủ trương chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi, trong đó định hướng "...Phát triển chăn nuôi gia cầm theo vùng, xã trọng điểm, khu chăn nuôi quy mô lớn và trại, trang trại ngoài khu dân cư tại các huyện Chương Mỹ, Đông

Anh, Ba Vì, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thanh Oai, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thạch Thất, Mê Linh... quy mô chiếm từ 25-30% tổng đàn toàn thành phố vào năm 2020, chăn nuôi theo hướng VietGAHP, hữu cơ, sinh học" (UBND thành phố Hà Nội, 2019). Năm 2020, Hà Nội có 76 xã chăn nuôi sản phẩm chủ lực, trong đó, có 29 xã chăn nuôi gia cầm tại Chương Mỹ, Ba Vì, Sơn Tây, Sóc Sơn... (Tâm An, 2020).

Chương Mỹ là huyện nằm ở cửa ngõ phía Tây của Hà Nội, có địa hình vừa mang đặc trưng vùng đồng bằng sông Hồng, vừa mang đặc trưng vùng bán sơn địa, là huyện nằm trong vùng, xã trọng điểm trong chăn nuôi gia cầm của Hà Nội. Toàn huyện có 7 xã chăn nuôi lợn, gia cầm trọng điểm, 9 xã có khu chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung xa khu dân cư,... (Hoàng Minh Hiến, 2020)¹. Chăn nuôi gà thịt có sự tham gia của các hộ dân và 121 công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp (như công ty CP, Golden Star, Japfa), trong đó chăn nuôi quy mô hộ chiếm 81,37% số gà thịt trong toàn Huyện, trên địa bàn đã có các hình thức chăn nuôi tiên tiến theo hướng VietGAHP, hữu cơ, sinh học tại các hộ chăn nuôi gà thịt (UBND huyện Chương Mỹ, 2020). Tuy nhiên, số hộ chăn nuôi gà thịt theo các quy trình tiên tiến tại Huyện để nâng cao chất lượng sản phẩm còn rất ít, chưa được quan tâm thống kê cụ thể, chưa có sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương nên chưa được khuyến khích nhân rộng. Vấn đề xử lý môi trường trong chăn nuôi chưa được các hộ chú ý, vẫn còn hộ thải phân gà trực tiếp ra môi trường trong khi phần lớn các hộ nuôi gà trong khu dân cư. Tác giả Kim Thoa (2020a) chỉ ra tại huyện Chương Mỹ, chăn nuôi gà tại hộ còn nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư dẫn đến công tác quản lý dịch bệnh gặp nhiều khó khăn; người chăn nuôi thiếu vốn để đầu tư con giống có năng suất, chất lượng cao và đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ trong chăn nuôi; Việc kết nối tiêu thụ, xây dựng các chuỗi liên kết trong chăn nuôi còn chưa nhiều nên giá cả thị trường sản phẩm từ chăn nuôi bấp bênh, việc tiêu thụ sản phẩm khó khăn. Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng lợi ích cơ bản của các hình thức chăn nuôi VietGAP, chăn nuôi an toàn sinh học là giảm dịch bệnh, mang lại thu nhập cao hơn cho người sản xuất trong bối cảnh người tiêu dùng đang ngày càng

quan tâm đến vấn đề an toàn thực phẩm (Nguyễn Thị Dương Nga, 2017; Nguyễn Ngọc Xuân & Nguyễn Hữu Ngoan, 2014). Nghiên cứu này nhằm đề xuất các giải pháp phát triển chăn nuôi gà thịt của các hộ dân theo định hướng sản xuất đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu thứ cấp được sử dụng trong nghiên cứu gồm sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các báo cáo thống kê của UBND huyện Chương Mỹ. Dữ liệu sơ cấp, áp dụng phương pháp Slovin (1984) (Võ Thị Thanh Lộc, 2010) trong xác định cỡ mẫu điều tra (n):

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2}$$

Với tổng số hộ chăn nuôi gà thịt của huyện (N) là 6.646 hộ, sai số cho phép (e) là 10%, số mẫu điều tra tối thiểu (n) được tính ra là 99 hộ. Dưới sự tư vấn của cán bộ phòng NN&PTNT Huyện và cán bộ thú y viên trong từng xã, dựa theo tiêu chí quy mô chăn nuôi gà thịt khác nhau ở mỗi xã đã chọn ra 146 hộ có chăn nuôi gà thịt trong 32 xã, thị trấn tại Huyện gồm 126 hộ chăn nuôi truyền thống và 20 hộ chăn nuôi quy trình tiên tiến (bao gồm chăn nuôi VietGAHP, hữu cơ, an toàn sinh học). Điều tra thông qua bản câu hỏi được chuẩn bị trước về thực trạng chăn nuôi, những thuận lợi, khó khăn và dự kiến phát triển chăn nuôi gà thịt của các hộ chăn nuôi. Ngoài ra, nghiên cứu còn tiến hành điều tra các tác nhân khác, bao gồm 2 cơ sở giết mổ gà, 18 bếp ăn tập thể, 10 nhà hàng và 7 cơ sở bán lẻ và tiêu dùng thịt gà trên địa bàn nhằm tìm hiểu ý kiến của thị trường về nhu cầu chất lượng sản phẩm gà thịt.

Nghiên cứu áp dụng các phương pháp phân tích của Ngô Thị Thuận & Phạm Văn Hùng (2006) như phân tổ thống kê theo 2 nhóm quy trình sản xuất, thống kê mô tả thực trạng chăn nuôi gà thịt tại hộ chăn nuôi, sử dụng phương pháp kiểm định T-test để kiểm định sự sai khác trong phân tích kết quả, hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi gà thịt theo 2 nhóm hộ điều tra để đưa ra các phân tích và kết luận đảm bảo ý nghĩa khoa học.

¹ Hoàng Minh Hiến (Phó Chủ tịch UBND huyện Chương Mỹ, 2020) phát biểu trong Diễn đàn Khuyến nông và liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn do Sở NN&PTNT phối hợp với UBND huyện Chương Mỹ tổ chức sáng ngày 8/10/2020.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng chăn nuôi gà thịt

3.1.1. Chăn nuôi gà thịt tại huyện Chương Mỹ

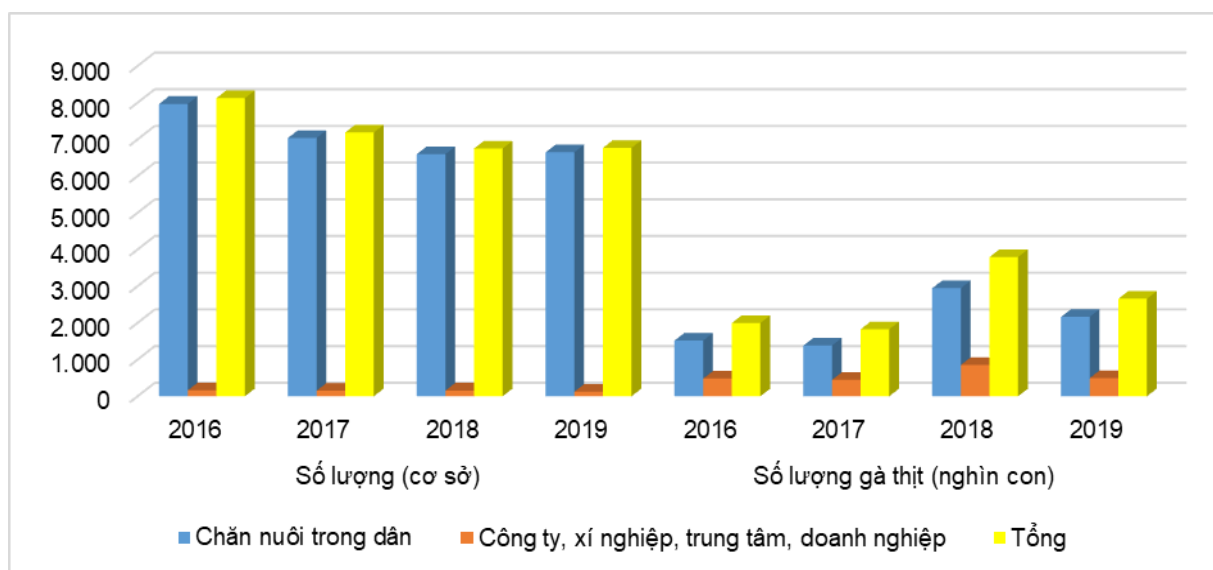
Năm 2019, số cơ sở chăn nuôi gia cầm trên địa bàn huyện là 6.767 cơ sở (tốc độ phát triển bình quân chỉ đạt 94,1%/năm giai đoạn 2016-2019) trong đó, số hộ chăn nuôi gà thịt chiếm khoảng 98%, số đầu con gà thịt là 2654,7 nghìn con (tốc độ phát triển bình quân đạt 110%/năm giai đoạn 2016-2019), cho thấy quy mô đàn đang ngày càng tăng lên. Chăn nuôi gà trong hộ dân vẫn chiếm tỉ lệ lớn, năm 2019 là 2.160,2 nghìn con, tập trung nhiều nhất ở các xã như Thanh Bình (408,67 nghìn con), Trần Phú (172,6 nghìn con), Tân Tiến và Lam Điền (khoảng 141 nghìn con) (UBND huyện Chương Mỹ, 2020). Năm 2020, đàn gia cầm của Huyện tiếp tục tăng lên dù chịu ảnh hưởng của bệnh cúm gia cầm A/H5N6 vào tháng 2/2020 (Lan Oanh, 2021).

3.1.2. Chăn nuôi gà thịt tại các hộ điều tra

Tại 146 hộ điều tra, khi so sánh kết quả chăn nuôi như số lứa nuôi BQ/năm, số con nuôi BQ/lứa, trọng lượng gà thịt xuất chuồng BQ/con ở nhóm chăn nuôi theo quy trình tiên tiến (QTTT) đều cao hơn so với chăn nuôi truyền

thống (TT). Chăn nuôi theo QTTT có số ngày chăn nuôi (khoảng 132 ngày) ngắn hơn chăn nuôi TT (từ 139-142 ngày) song trọng lượng xuất chuồng bình quân 1 con của nhóm nuôi QTTT (đạt 1,85-2,51 kg/con) cao hơn nhóm chăn nuôi TT (đạt 1,7-2,24 kg/con) nên nhóm nuôi theo QTTT có khả năng tăng số lứa nuôi bình quân 1 năm cao hơn nhóm chăn nuôi TT. Chăn nuôi theo QTTT cũng có tỉ lệ gà bán ra trên tổng số gà nuôi (đạt 98,65%) cao hơn nhóm nuôi TT (đạt 91,2%) cho thấy tỉ lệ gà chết hoặc bị loại thải ở nhóm chăn nuôi QTTT ít hơn và mức độ đồng đều của gà nuôi theo QTTT tốt hơn so với chăn nuôi TT.

Về chi phí chăn nuôi cũng cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa 2 nhóm. Nhóm chăn nuôi TT có chi phí trung gian cho 100kg gà thịt xuất chuồng là 5617 nghìn đồng cao gấp 1,61 lần so với nhóm chăn nuôi theo QTTT. Trong chi phí này, chi phí thức ăn chiếm tỉ lệ cao nhất (71% ở nhóm QTTT và 74% ở nhóm TT). Chi phí thuốc thú y theo QTTT ít hơn nhóm TT. Điều này cho thấy, nhóm hộ chăn nuôi theo QTTT quản lý thức ăn trong chăn nuôi hợp lý hơn, ít phải sử dụng thuốc thú y hơn nên tiết kiệm chi phí hơn mà vẫn có mức tăng trọng đàn gà nhanh hơn so với nhóm hộ chăn nuôi TT. Chăn nuôi theo QTTT dưới góc độ sản xuất đã thể hiện rõ nét lợi thế tốt hơn trong chăn nuôi gà thịt ở các hộ điều tra.

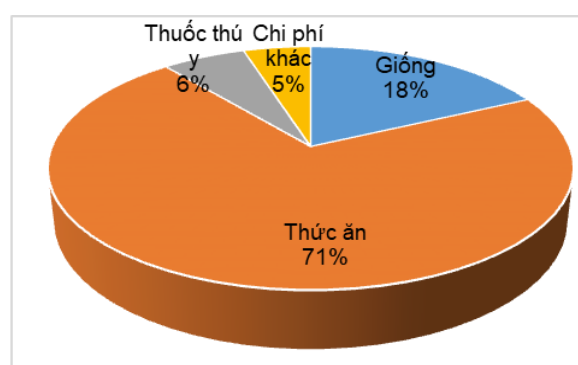
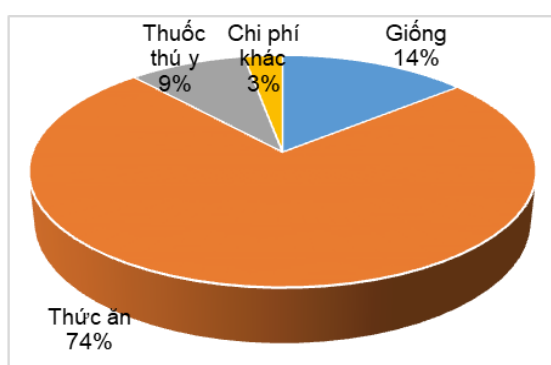


Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Chương Mỹ (2020).

Hình 1. Số cơ sở chăn nuôi gà thịt và tổng đàn gà thịt tại huyện Chương Mỹ

Bảng 1. Thực trạng chăn nuôi gà thịt của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	TT (n = 126)	QTTT (n = 20)
Số lứa nuôi bình quân 1 năm	lứa	2,45	2,69
Số con nuôi bình quân 1 lứa	con/lứa	2.073,69	3.030
Số con bán bình quân/lứa	con/lứa	1.891,24	2.989
Trọng lượng xuất chuồng bình quân cho 1 con			
Gà mái	kg/con	1,7	1,85
Gà trống	kg/con	2,24	2,51
Thời gian nuôi			
Gà mái	ngày/lứa	138,69	132
Gà trống	ngày/lứa	142,38	132,25



Hình 2. Tỷ lệ chi phí IC trong chăn nuôi TT **Hình 3. Tỷ lệ chi phí IC trong chăn nuôi QTTT**

Bảng 2. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi gà thịt của các hộ điều tra phân theo quy trình chăn nuôi (Tính bình quân cho 100kg gà thịt xuất chuồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	TT (n = 126) (1)	QTTT (n = 20) (2)	Kiểm định (1) - (2)
Kết quả				
Tổng giá trị sản xuất (GO)	1.000đ	7.284,13	7.080,00	204,13 ^{ns}
Chi phí trung gian (IC)	1.000đ	5.617,00	3.484,90	2.132,05**
Giá trị tăng thêm (VA)	1.000đ	1.667,17	3.595,10	-1.927,93**
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1.000đ	1.217,45	3.321,54	-2.104,09**
Hiệu quả				
GO/IC	Lần	1,30	2,03	
VA/IC	Lần	0,30	1,03	
MI/IC	Lần	0,22	0,95	

Ghi chú: **: có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; ^{ns}: Không có ý nghĩa thống kê.

Cùng với sự tiết kiệm chi phí trong chăn nuôi, nhóm hộ chăn nuôi theo QTTT có giá trị IC thấp hơn, giá trị VA và MI cao hơn nhóm chăn nuôi TT (MI của nhóm chăn nuôi QTTT cao gấp

2,73 lần nhóm TT) (kiểm định sự sai khác có ý nghĩa thống kê ở mức 5%) nên hiệu quả sử dụng vốn ở nhóm QTTT (đạt 0,95 lần) cao hơn nhóm hộ chăn nuôi TT (chỉ đạt 0,22 lần).

Phân tích chi tiết trong chăn nuôi theo QTTT cho thấy, chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ đem lại thu nhập hỗn hợp cao nhất và chăn nuôi theo quy trình VietGAHP là thấp nhất, tuy nhiên, để chăn nuôi theo hướng hữu cơ, các hộ đều phải là những hộ phát triển từ hộ chăn nuôi VietGAHP.

Theo quy mô về số đầu con gà thịt bình quân một hộ cho thấy quy mô chăn nuôi càng lớn thì giá trị thu nhập hỗn hợp càng cao mặc dù giá trị sản xuất có xu hướng giảm theo quy mô.

Theo phương thức chăn nuôi, nuôi nhốt hoàn toàn có giá trị thu nhập hỗn hợp cao nhất. Chăn nuôi thả vườn và chăn nuôi kết hợp thả và nhốt có sự chênh lệch về giá trị thu nhập hỗn hợp là không đáng kể.

Kết quả điều tra cũng cho thấy có 46,16% (hộ chăn nuôi TT) đến 50% (hộ chăn nuôi QTTT) chăn nuôi có thu nhập từ chăn nuôi gà thịt chiếm từ 50-100% tổng thu nhập của hộ. Như vậy, chăn nuôi gà thịt đem lại nguồn thu đáng kể cho hộ, trong đó chăn nuôi theo QTTT đem lại kết quả và hiệu quả cao hơn chăn nuôi TT.

3.2. Phát triển các điều kiện trong chăn nuôi gà thịt hướng tới nâng cao chất lượng và vệ sinh môi trường

3.2.1. Phát triển các hình thức chăn nuôi đảm bảo chất lượng

Tháng 8/2018, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng nông nghiệp hữu cơ đã đặt nền móng cho chăn nuôi hữu cơ trên địa bàn huyện Chương Mỹ. Chăn nuôi hữu cơ có quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAHP nên chuồng trại, nguồn thức ăn và vacxin tiêm phòng được theo dõi và thực hiện một cách cẩn thận, nghiêm

ngặt và được kiểm soát chặt chẽ (Phạm Trung Hiếu, 2018; Nguyễn Quỳnh, 2019).

Hiện nay, chưa có số liệu thống kê chính thức về số hộ chăn nuôi theo QTTT trên địa bàn Huyện. Song huyện Chương Mỹ tiếp tục xây dựng, phát triển sản phẩm chăn nuôi theo hướng năng suất chất lượng cao, chăn nuôi hữu cơ, sinh học đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường (Minh Huệ, 2020). Đầu năm 2020, huyện đã triển khai nhiều chương trình khuyến nông, trong đó có mô hình sử dụng thảo dược trong chăn nuôi gà thả vườn ở xã Đại Yên quy mô 10 hộ tham gia và được hỗ trợ 10.000 con gà giống (Kim Thoa, 2020b).

Kết quả điều tra ngẫu nhiên 146 hộ chăn nuôi gà thịt có 13,7% số hộ có chăn nuôi theo QTTT (gồm 9 hộ nuôi VietGAHP, 4 hộ nuôi an toàn sinh học và 7 hộ nuôi hữu cơ). Như vậy, đã có nhiều tín hiệu tích cực từ phía chính quyền địa phương và đặc biệt người chăn nuôi đã nhận thức tốt hơn và có sự chuyển hướng chăn nuôi theo các QTTT, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

3.2.2. Phát triển các hình thức hợp tác trong chăn nuôi gà thịt

Phần lớn các hộ tham gia hợp tác là những hộ có quy mô chăn nuôi từ 1.000 con/lúa trở lên. Khi quy mô chăn nuôi ngày càng lớn, nhu cầu hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ ngày càng tăng. Tuy nhiên, thực tế điều tra cho thấy chỉ có 15% (hộ chăn nuôi theo QTTT) đến 16,67% (hộ chăn nuôi TT) là có tham gia hợp tác trong sản xuất (như có hợp đồng mua giống, thức ăn, thuốc thú y). Có từ 9,25% đến 15% số hộ tham gia vào các tổ nhóm sản xuất.

Bảng 3. Kết quả kinh tế trong chăn nuôi gà thịt ở các hộ điều tra phân theo quy mô, quy trình và phương thức chăn nuôi (triệu đồng)

Chỉ tiêu	Quy mô (con)			Quy trình sản xuất				Phương thức chăn nuôi		
	< 2.000 (n = 70)	2.000-6.000 (n = 60)	> 6.000 (n = 16)	Thông thường (n = 126)	VietGAHP (n = 9)	ATSH (n = 4)	Hữu cơ (n = 7)	Thả vườn (n = 25)	Kết hợp (n = 102)	Nhốt (n = 19)
GO	7,56	7,10	6,83	7,28	6,08	7,08	8,37	7,38	7,40	6,56
IC	5,98	4,84	4,53	5,62	4,63	3,20	2,17	5,30	5,58	4,22
VA	1,58	2,26	2,30	1,67	1,45	3,88	6,20	2,08	1,82	2,35
MI	1,14	1,81	2,07	1,22	1,11	3,64	5,99	1,42	1,43	2,09

Bảng 4. Các hình thức hợp tác trong chăn nuôi của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	TT (n = 126)		QTTT (n = 20)	
		SL	CC (%)	SL	CC (%)
Số hộ có tham gia liên kết					
Có	Hộ	21	16,67	3	15
Không	Hộ	105	83,33	17	85
Hình thức hợp tác					
Hợp đồng đầu vào	Lượt hộ	12	9,52	3	15
Tham gia tổ, nhóm sản xuất	Lượt hộ	12	9,52	3	15

Khi chăn nuôi phát triển, địa bàn hình thành nhiều đại lý bán cám chăn nuôi. Hầu hết các hộ chăn nuôi gà thịt có liên hệ với người bán cám để mua chịu cám gà cho đến khi tiêu thụ xong đàn gà mới thanh toán với mức chênh lệch giá là 5.000 đ/bao cám 25kg so với mua thanh toán ngay. Tuy nhiên, phần lớn mua - bán dựa trên mối quan hệ làng xóm và quen biết nên số hộ làm hợp đồng thấp cho thấy hợp tác trong cung cấp đầu vào còn lỏng lẻo, thiếu ràng buộc về pháp lý.

Sự hợp tác trong chăn nuôi gà thịt còn rất hạn chế, trước đây, nhiều hộ chăn nuôi gia công cho các công ty lớn được cung cấp đầu vào và đảm bảo đầu ra song giá bán luôn thấp hơn giá thị trường nên đến nay hầu hết các hộ chuyển sang sản xuất tự do. Lợi thế của các hộ này chính là có nền tảng cơ sở chăn nuôi, cơ sở vật chất được đầu tư và xây dựng theo đúng quy trình, có kỹ thuật và kinh nghiệm trong chăn nuôi gà thịt nên quy mô đàn gà thịt tăng nhanh và có khả năng phát triển sản xuất theo các QTTT hơn

3.2.3. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt và vấn đề quản lý dịch bệnh trong chăn nuôi

Năm 2020, trạm Khuyến nông huyện tổ chức 2 đợt tập huấn, hướng dẫn các hộ chăn nuôi biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường và phòng, chống dịch cúm gia cầm (Kim Thoa, 2020b). Tỷ lệ hộ tham gia tập huấn trong chăn nuôi gà thịt khá cao (69,84% hộ chăn nuôi TT, 90% hộ chăn nuôi theo QTTT), trong đó, nội dung tập huấn chủ yếu là về phòng trừ dịch bệnh (67,46%- 85% lượt hộ tham gia), tiếp theo đó là tập huấn về kỹ thuật cho ăn (40-45,24% lượt hộ). Như vậy, các

hộ chăn nuôi gà trong Huyện có nhiều cơ hội tiếp cận đến các quy trình kỹ thuật chăm sóc gà nuôi từ cả phía chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gà tại địa phương.

Cùng với việc phát triển chăn nuôi, sự bùng phát dịch bệnh ngày càng trở lên khó kiểm soát. Tháng 2/2020, huyện Chương Mỹ xuất hiện ổ dịch cúm gia cầm A/H5N6 tại xã Phú Nghĩa, Trung Hòa, Tốt Động, Nam Phương Tiến và Mỹ Lương với số gia cầm đã buộc phải tiêu hủy là 19.042 con gia cầm, thủy cầm (Lan Oanh, 2020). Huyện Chương Mỹ đã có nhiều chủ trương nhằm nâng cao năng lực mạng lưới thú y thôn xã nhằm thống kê, giám sát, phát hiện bệnh để kịp thời ngăn chặn dịch bệnh (Nguyễn Ngọc Sơn, 2021). Tại các hộ điều tra, hộ chăn nuôi cả gia súc và gia cầm luôn phải đặt công tác phòng chống dịch bệnh lên hàng đầu. Một trong các biện pháp được người chăn nuôi áp dụng là thắt chặt quản lý người vào khu chăn nuôi. Lao động khi vào khu chăn nuôi phải qua nhiều công đoạn khử trùng trước, sau và ngay sau mỗi khi làm việc tại các chuồng nuôi. Các loại bệnh thường gặp tại hộ chăn nuôi như bệnh tiêu chảy (112 lượt hộ), bệnh hô hấp (98 lượt hộ) và bệnh cầu trùng (84 lượt hộ). Khi gà bị bệnh, có trên 60% lượt hộ ở cả 2 nhóm gọi thú y viên đến khám và chữa bệnh cho gà. Các hộ chăn nuôi gà theo QTTT có xu hướng tự chữa bệnh cho gà thấp hơn (40% lượt hộ) so với nhóm hộ chăn nuôi TT (60,32% lượt hộ), tỉ lệ số con chết trên số con bị bệnh ở nhóm chăn nuôi theo QTTT (34,33%) cao hơn nhóm nuôi TT (26,94%). Tuy nhiên, tỉ lệ số hộ bán gà khi gà bị bệnh ở nhóm nuôi TT (39,68%) cao hơn nhóm nuôi theo QTTT (30%). Vấn đề này tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo vệ sinh an

toàn thực phẩm trong chăn nuôi, người mua biết gà bệnh nhưng vì thấy rẻ nên vẫn mua cho thấy ý thức, trách nhiệm chung vì sức khỏe cộng đồng của người chăn nuôi và mua gà còn kém.

3.2.4. Công nghệ và vốn trong đầu tư

Tỉ lệ số hộ chăn nuôi theo QTTT có kiểu chuồng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật (55% số hộ) cao hơn so với hộ chăn nuôi TT (18,25% số hộ). Có đến trên 20% số hộ điều tra không biết kiểu chuồng nuôi của gia đình mình đã đúng tiêu chuẩn hay chưa do chỉ làm theo các hộ khác. Hộ chăn nuôi theo QTTT đã chú ý đầu tư trang thiết bị như hệ thống làm mát, hệ thống sưởi, phun khử trùng tự động, hệ thống ăn uống, máy phát điện (đến 65% lượt hộ) tốt hơn so với hộ chăn nuôi TT (đến 48,41% lượt hộ). Đây cũng là lí do nhu cầu vốn của nhóm hộ nuôi theo QTTT cao hơn nhóm nuôi TT.

Khi quy mô chăn nuôi tăng, yêu cầu vốn đầu tư cho chăn nuôi tăng sẽ hình thành lên thị trường vốn vay cả chính thống và phi chính thống. Bình quân một hộ chăn nuôi TT vay 108,33 triệu đồng/hộ, hộ chăn nuôi theo QTTT là 155 triệu đồng/hộ. Tỉ lệ vốn đi vay trên tổng vốn đầu tư cho chăn nuôi gà chiếm khoảng 23,5% ở cả 2 nhóm hộ. Theo số liệu năm 2020 của Huyện, có 6 quỹ tín dụng nhân dân tại xã Đông Phương Yên, Thủy Xuân Tiên, Phú Nghĩa, Hữu Văn, thị trấn Xuân Mai và thị trấn Chúc Sơn nhằm hỗ trợ các hộ phát triển kinh tế. Ông Nguyễn Đăng Hùng, chủ tịch Hội nông dân huyện Chương Mỹ cho biết, các mô hình chăn nuôi đều được lập dự án cho vay vốn từ Quỹ hỗ trợ nông dân (Bình Minh, 2020). Như vậy, thị trường vốn đầu tư trong chăn nuôi đã có nhiều chuyển biến, các hộ chăn nuôi ở quy mô lớn có nhiều điều kiện để tiếp cận nguồn vốn hơn các hộ chăn nuôi ở các quy mô nhỏ.

3.2.5. Đất sử dụng trong chăn nuôi gà thịt

Nhu cầu đất phục vụ chăn nuôi gia cầm tăng nhanh trong những năm gần đây, theo thống kê của Huyện, diện tích khu chăn nuôi gia cầm năm 2019 đạt 122,24ha, tốc độ phát triển bình quân giai đoạn 2015-2019 là 131,58%. Kết quả điều tra cho thấy, diện tích đất trong chăn nuôi gà BQ/hộ chăn nuôi TT là

2.312,39m² (trong đó diện tích chuồng trại chiếm 18,44%). Con số này ở nhóm chăn nuôi theo QTTT là 4.565m² (diện tích chuồng trại chiếm 29,08%). Diện tích đất có thể mở rộng trong chăn nuôi gà thịt khoảng 643m² (nhóm TT) và 1283m² (nhóm QTTT). Một số hộ chăn nuôi có nhu cầu mở rộng quy mô chăn nuôi phải thuê thêm đất.

3.2.6. Vệ sinh môi trường

Huyện Chương Mỹ có 9 xã có khu chăn nuôi tập chung và có chính sách khuyến khích di dời các cơ sở chăn nuôi ra xa khu dân cư, do đó tỉ lệ hộ chăn nuôi gà ngoài khu dân cư tương đối cao (40,48% số hộ chăn nuôi TT và 35% số hộ chăn nuôi theo QTTT). Tuy nhiên, số hộ chăn nuôi trong khu vực dân cư còn cao (59,52% đến 65% số hộ), gây ra ô nhiễm môi trường và làm xấu cảnh quan làng xóm.

Việc xử lý phân gà cũng được chính quyền và các hộ chăn nuôi quan tâm. Tỉ lệ hộ chăn nuôi gà ở Chương Mỹ xử lý phân gà rất cao (100% số hộ chăn nuôi theo QTTT và 86,51% số hộ chăn nuôi TT) với lượng phân gà được xử lý là trên 81%. Phương pháp xử lý phân gà chủ yếu là dùng chế phẩm sinh học (58,72-60% lượt hộ), tiếp đến là biện pháp ủ phân compost (28-35% lượt hộ) và công nghệ ép phân (20-36,7% lượt hộ). Anh Thuận, xã Đông Sơn nuôi 4.000 con gà cho biết, gia đình anh sử dụng ủ men sinh học để xử lý phân gà, mỗi lứa bán được 6 triệu đồng (phỏng vấn ngày 7/6/2020). Như vậy, xử lý chất thải chăn nuôi không chỉ đảm bảo vệ sinh môi trường mà còn đem lại nguồn thu bổ sung cho các hộ chăn nuôi. Tuy vậy, vẫn còn một tỉ lệ lớn số hộ chăn nuôi TT (13,49%) chưa xử lý chất thải mà xả thải trực tiếp ra môi trường nên vấn đề ô nhiễm môi trường vẫn rất cần được các cấp chính quyền quan tâm giải quyết triệt để.

3.3. Phân tích thị trường đầu vào và đầu ra trong chăn nuôi gà thịt

3.3.1. Thị trường cung ứng đầu vào

a. Thị trường gà giống

Hiện nay trên địa bàn Huyện đang sử dụng rất nhiều giống gà khác nhau và đang thử

nghiệm thụ tinh nhân tạo thành công trên 2000 con gà ta lai gà Mía (Minh Huệ, 2020). Tại các hộ điều tra, các giống gà nuôi khá đa dạng như: gà Mía, gà Lương Phượng, gà lông màu, Brown, gà lai Đông Tảo, gà lai Yên Thế, gà Sơn Tây, gà lai Lạc Thủy, gà Hồ, gà lai chọi, gà ri,... Tất cả các hộ chăn nuôi theo QTTT đều mua giống gà bên ngoài huyện Chương Mỹ. Tỷ lệ này ở các hộ nuôi gà thịt TT chiếm hơn 65,87% số hộ. Hộ chăn nuôi chủ yếu mua con giống ở các trang trại chuyên cung cấp giống (chiếm 57,94-75% lượt hộ) hoặc tại các trung tâm giống (12,7-25% lượt hộ), ở Sơn Tây, Hòa Bình, Bắc Giang. Ngoài ra, các hộ mua con giống tại công ty chuyên cung cấp giống hoặc mua của các hộ chăn nuôi khác. Có 10,32% lượt hộ chăn nuôi TT, quy mô nhỏ, giống gà ta là tự sản xuất giống. Như vậy, thị trường gà giống tại Huyện chưa thực sự được quan tâm phát triển, chưa đáp ứng được nhu cầu của hộ.

b. Thị trường cám và thuốc thú y trong chăn nuôi

Cùng với sự phát triển của các loại hình và quy mô chăn nuôi, thị trường cung ứng thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y cũng phát triển. Theo số liệu của Huyện, tháng 3/2020, trên địa bàn có 2 cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi và 100 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, với mức sản phẩm cung cấp ra thị trường khoảng 52,16 triệu tấn thức ăn chăn nuôi trong 1 tháng. Trong số các cơ sở này, có đến gần 50% cơ sở chưa có đăng ký kinh doanh. Bên cạnh đó, sự phát triển của 62 cơ sở kinh doanh thuốc thú y cũng còn trên 16% cơ sở hoạt động không có giấy phép kinh doanh. Như vậy, sự phát triển của thị trường cung ứng thức ăn và thuốc thú y trên địa bàn huyện khá sôi động, vấn đề quản lý thị trường nhằm bảo vệ quyền lợi của người chăn nuôi rất cần được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo địa phương.

c. Thị trường lao động và sử dụng lao động

Số lao động bình quân 1 hộ chăn nuôi TT là 1,7 lao động gia đình và 0,13 lao động đi thuê; con số này ở nhóm chăn nuôi theo QTTT là 2,05 lao động gia đình và 0,3 lao động đi thuê. Nhiều hộ nuôi lớn yêu cầu lao động phải cam kết ở tại khu chăn nuôi trong suốt chu kỳ nuôi. Sự bùng phát dịch bệnh đã có tác động rất lớn đến lực

lượng lao động và thị trường lao động trong chăn nuôi tại Huyện, nếu trước đây lao động làm thuê chủ yếu làm công việc dọn dẹp vệ sinh chuồng trại, cho gà ăn và không yêu cầu cao về chuyên môn thì nay các công việc này được sử dụng bằng máy móc tự động, lao động chủ yếu là điều khiển máy móc, quan sát chế độ ăn để đảm bảo cân bằng dinh dưỡng và kiểm soát dịch bệnh trong chăn nuôi. Hầu hết lao động làm thuê đều phải được qua đào tạo và được thuê từ các tỉnh khác đến.

3.3.2. Thị trường tiêu thụ gà thịt

Qua điều tra các tác nhân khác tại Huyện cho thấy: Tất cả các cơ sở giết mổ gà và bán lẻ thịt gà đều lấy nguồn gà thịt trong huyện và đều quan tâm đến giống gà và truy xuất nguồn gốc của gà. 70% nhà hàng, 94,44% bếp ăn tập thể và 100% người bán lẻ và tiêu dùng thịt gà quan tâm đến nguồn gốc, xuất xứ gà thịt về nơi chăn nuôi, quy trình chăn nuôi gà. 90% nhà hàng và 94,44% bếp ăn tập thể cho rằng khách hàng của họ cũng rất quan tâm đến nguồn gốc gà thịt, riêng với sự quan tâm của các cơ sở này đến quy trình chăn nuôi tiên tiến chiếm từ 20% đến 27,78%. Có 38,89% số bếp ăn tập thể, 42,86% người bán lẻ và 60% nhà hàng sẵn sàng thay đổi người cung cấp thực phẩm nếu sản phẩm gà thịt được nuôi theo các QTTT và có chất lượng tốt hơn.

Tại thời điểm điều tra, giá bán gà dao động khá lớn giữa các giống gà (đặc biệt là giữa gà công nghiệp và gà ta) và giữa các thời điểm trong năm. Do tác động của dịch tả lợn châu Phi nên nhiều hộ dân chuyển từ chăn nuôi lợn sang chăn nuôi gà, đồng thời chịu ảnh hưởng kép của đại dịch Covid-19, thị trường tiêu thụ chậm nên giá gà có xu hướng giảm. Thị trường gà thịt còn mang tính tự phát, một số ít hộ (10% số hộ) có hợp đồng bán gà, chủ yếu giao dịch là qua điện thoại. Thông thường, hộ chăn nuôi sẽ bán theo đàn, mỗi hộ thường có từ 2-5 đối tác mua gà tùy thuộc quy mô chăn nuôi nhiều hay ít, thời gian bán 1 đàn thường kéo dài khoảng 7-15 ngày tùy thuộc quy mô chăn nuôi lớn hay nhỏ. Tỷ lệ gà bị loại ra từ 3-5% là những con gà còi cọc, xấu mã. Do hầu hết các hộ chăn nuôi theo QTTT không

tiếp cận được với các thị trường tiêu thụ cao cấp nên giá bán không có sự khác biệt với nhóm chăn nuôi TT. Ở nhóm nuôi TT, có 61,11% số hộ tiện gặp thương lái nào thì bán cho người đó (89,13% sản lượng), khoảng 10% sản lượng được bán cho cơ sở giết mổ trong xã. Ở nhóm nuôi theo QTTT, chủ yếu các hộ bán cho các cơ sở giết mổ trong xã (56% sản lượng) và 39% sản lượng được bán cho thương lái. Có thể thấy, các hộ chăn nuôi theo QTTT tuy không có giấy chứng nhận, nhưng việc tiêu thụ gà của các hộ chăn nuôi theo QTTT ổn định hơn so với các hộ chăn nuôi TT.

Nhìn chung, thị trường tiêu thụ sản phẩm gà thịt còn thiếu và yếu, chưa hình thành lên các hình thức hợp tác giữa các tác nhân trong chuỗi, các hộ chăn nuôi hoạt động riêng lẻ, chất lượng gà nuôi trong cùng hộ và giữa các hộ chưa đồng đều, thiếu giấy chứng nhận chất lượng, thiếu liên kết và thiếu sự chia sẻ rủi ro.

3.4. Khó khăn trong chăn nuôi gà thịt theo hướng nâng cao chất lượng và bảo vệ môi trường

Đánh giá về các khó khăn của hộ khi tham gia các quy trình chăn nuôi tiên tiến, có 91,27% hộ chăn nuôi TT gặp khó khăn chủ yếu nhất là về kỹ thuật chăn nuôi (56,35% lượt hộ), tìm thị trường đầu ra (46,03% lượt hộ), vốn (43,65% lượt hộ) và vấn đề thủ tục pháp lý, hồ sơ (39,68% lượt hộ). Đối với các hộ đang chăn nuôi

theo QTTT, có 95% số hộ gặp khó khăn trong chăn nuôi theo quy trình như kỹ thuật chăn nuôi (52,63% lượt hộ), vấn đề thủ tục pháp lý, hồ sơ (42,11% lượt hộ), thị trường đầu ra (36,84% lượt hộ), ghi chép sổ sách, vốn (31,58% lượt hộ).

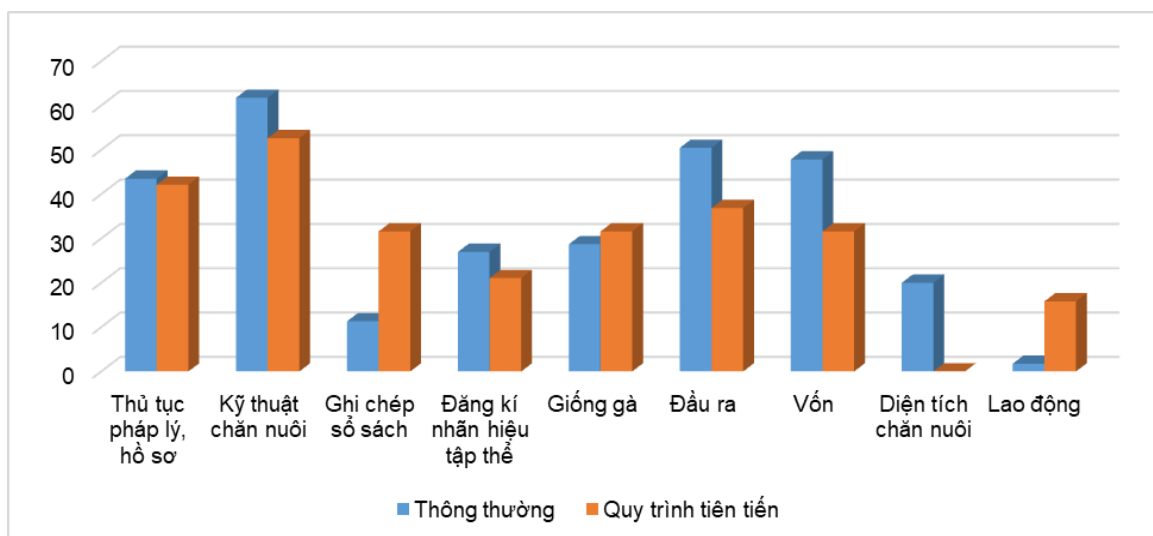
Ngoài ra, khi đánh giá khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm có 52,38% hộ chăn nuôi TT và 60% hộ nuôi theo QTTT cho rằng giá bán gà thấp, không ổn định, thậm chí, một số hộ gặp tình trạng không có người mua.

Nhìn chung, thiếu vốn, thiếu kỹ thuật và khó khăn trong tìm kiếm thị trường là những khó khăn được đề cập nhiều nhất trong chăn nuôi gà thịt của các hộ chăn nuôi tại huyện Chương Mỹ.

3.5. Giải pháp phát triển chăn nuôi gà thịt

3.5.1. Phát triển các hình thức hợp tác trong chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm

Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ cần liên kết với nhau thành tổ, nhóm, hợp tác xã sản xuất theo đúng QTTT trên quy mô lớn để đảm bảo tính đồng đều của sản phẩm gà thịt và đảm bảo lượng cung ổn định ra thị trường. Hợp tác có trách nhiệm với các cơ sở, đại lý chuyên cung cấp thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo nguồn cung cấp và chất lượng thức ăn được đảm bảo, góp phần tăng mức độ đồng đều của gà thịt khi xuất chuồng.



Hình 4. Khó khăn của hộ khi tham gia các quy trình chăn nuôi tiên tiến

Chính quyền địa phương hỗ trợ, tư vấn đề các tổ, nhóm hoạt động có hiệu quả, có chứng nhận sản xuất theo QTTT, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, hỗ trợ ứng dụng thông tin trong truy xuất nguồn gốc, đẩy mạnh kết nối người chăn nuôi với các tổ chức, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm thông qua các chương trình giới thiệu và quảng bá hình ảnh về sản phẩm của địa phương, giúp người tiêu dùng nhận diện rõ về sản phẩm gà thịt có chất lượng.

3.5.2. Nâng cao chất lượng sản phẩm gà thịt

Chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ với các cơ sở chế biến và kinh doanh thức ăn gia súc để tổ chức nhiều lớp tập huấn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm với quy mô tập huấn trên diện rộng. Tăng cường tập huấn và nâng cao năng lực quản lý trong ghi chép và làm hồ sơ đăng ký đảm bảo về chất lượng sản phẩm gà thịt theo các QTTT cho hộ. Đưa yêu cầu xử lý chất thải trong chăn nuôi thành điều kiện bắt buộc cho các hộ khi tham gia chăn nuôi.

3.5.3. Phát triển các điều kiện chăn nuôi

Huyện cần tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu giống nuôi và tư vấn giống nuôi phù hợp điều kiện khí hậu của địa phương, đem lại hiệu quả kinh tế cho hộ chăn nuôi và đáp ứng yêu cầu chất lượng gà thịt của thị trường.

Tăng cường công tác quản lý nguồn cung ứng thức ăn và thuốc thú y trên địa bàn nhằm đảm bảo cung ứng đầu vào có chất lượng tốt nhất cho chăn nuôi phát triển.

Có thêm nhiều chính sách hỗ trợ các tổ, nhóm, hợp tác xã thực hiện chăn nuôi theo các QTTT. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi để phát triển chăn nuôi gà thịt theo các QTTT tại Huyện.

4. KẾT LUẬN

Chăn nuôi gà thịt đã mang lại nguồn thu đáng kể cho các hộ chăn nuôi. Các hộ chăn nuôi theo QTTT đã đầu tư trang thiết bị chăn nuôi tốt hơn, có số con nuôi BQ/lúa cao hơn, thời gian

nuôi BQ/lúa thấp hơn các hộ chăn nuôi TT. Chi phí sản xuất nhóm QTTT cũng thấp hơn, tỉ lệ số con xuất bán nhóm QTTT cao hơn nhóm TT. Nên nhóm chăn nuôi theo QTTT có hiệu quả chăn nuôi cao hơn nhóm nuôi TT. Chăn nuôi theo QTTT cũng thể hiện rõ lợi thế trong chăn nuôi và lợi thế về thị trường hơn nhóm hộ nuôi TT khi nhu cầu của các tác nhân trong chuỗi thịt gà ngày càng chú ý hơn đến vấn đề chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, kết quả cũng chỉ ra những hạn chế và khó khăn trong chăn nuôi gà thịt theo hướng đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường như chăn nuôi vẫn xen kẽ trong khu dân cư, hợp tác và liên kết trong chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm còn thiếu và yếu, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người chăn nuôi còn chưa thực sự tốt, các cơ sở cung cấp đầu vào trong chăn nuôi còn hoạt động không phép, thị trường tiêu thụ sản phẩm còn mang tính tự phát.

Để chăn nuôi theo QTTT phát triển nhằm đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường cần thiết phải tăng cường hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ, quy hoạch vùng nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh công tác giống, quản lý thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y trên địa bàn.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã nhận được sự trợ giúp của nhiều tổ chức và cá nhân, chúng tôi xin được trân trọng cảm ơn Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Chương Mỹ, Trạm Thú y huyện Chương Mỹ, Ban Chăn nuôi thú y các xã, thị trấn và các cán bộ thú y viên tại các xã, thị trấn đã cung cấp thông tin và hỗ trợ nhóm nghiên cứu đi điều tra thực địa tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bình Minh (2020). Hỗ trợ nông dân sản xuất an toàn. Truy cập từ <http://kinhtedothi.vn/ho-tro-nong-dan-san-xuat-an-toan-397846.html>, ngày 25/2/2020.
- Kim Thoa (2020a). Chương Mỹ triển khai nhiều giải pháp để phát triển ngành chăn nuôi. Truy cập từ <https://chuongmy.hanoi.gov.vn/tin-kinh-te/-/news/pde1maEQe4QT/666122.html>, ngày 25/3/2021.

- Kim Thoa (2020b). Chương Mỹ triển khai nhiều chương trình khuyến nông để giúp nông dân tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Truy cập từ <https://chuongmy.hanoi.gov.vn/tin-kinh-te/-/news/pde1maEQe4QT/0/668614.html>, ngày 25/3/2021.
- Lan Oanh (2020). Huyện Chương Mỹ: Khống chế thành công dịch cúm gia cầm A/H5N6. Truy cập từ <https://chuongmy.hanoi.gov.vn/cs/tin-kinh-te/-/news/pde1maEQe4QT/661562.html>, ngày 29/3/2020.
- Lan Oanh (2021). Ngành thú y Chương Mỹ đóng góp tích cực cho sự phát triển của huyện. Truy cập từ <https://chuongmy.hanoi.gov.vn/bg/tin-trong-huyen/-/news/pde1maEQe4QT/1/673815.html>, ngày 22/3/2021.
- Minh Huệ (2020). Huyện Chương Mỹ: Phát triển nhiều mô hình chăn nuôi, thủy sản điển hình. Truy cập từ https://hanoi.gov.vn/mobile_chitiet_tintuc/-/hn/VWY2FnKi7zTm/111101/2836610/5/huyen-chuong-my-phan-trien-nhieu-mo-hinh-chan-nuoi-thuy-san-ien-hinh.html ngày 25/3/2021.
- Ngô Thị Thuận & Phạm Văn Hùng (2006). Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Dương Nga (2017). Phát triển chăn nuôi lợn VietGAHP ở huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 15(6): 844-851.
- Nguyễn Ngọc Xuân & Nguyễn Hữu Ngoan (2014). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng áp dụng tiêu chuẩn chăn nuôi lợn theo hướng thực hành nông nghiệp tốt ở thành phố Hà Nội. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 12(5): 779-786.
- Nguyễn Ngọc Sơn (2021). Hà Nội: Thực hiện các giải pháp tái cấu trúc ngành chăn nuôi, thú y giai đoạn 2021-2025. Truy cập từ <https://lsvn.vn/ha-noi-thuc-hien-cac-giai-phap-tai-cau-truc-nganh-chan-nuoi-thu-y-giai-doan-2021-2025.html>, ngày 06/03/2021.
- Nguyễn Quỳnh (2019). Đầu tư hàng tỷ đồng nuôi gà ri theo hướng hữu cơ. Truy cập từ <https://trangtraiviet.vn/da-tu-hang-ty-dong-nuoi-ga-ri-theo-huong-huu-co-88896343.html>, ngày 25/3/2021.
- Tâm An (2020). Hà Nội: Tái cơ cấu ngành chăn nuôi, thủy sản đạt hiệu quả cao. Truy cập từ <http://nha-chan-nuoi.vn/ha-noi-tai-co-cau-nganh-chan-nuoi-thuy-san-dat-hieu-qua-cao-2/>, ngày 6/3/2021.
- UBND Huyện Chương Mỹ (2020). Số liệu thống kê Phòng Kinh tế huyện Chương Mỹ.
- UBND thành phố Hà Nội (2019). Quyết định 437/QĐ_UBND ngày 21/1/2019 về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020.
- Võ Thị Thanh Lộc (2010). Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Thành phố Cần Thơ.